TÒA ÁN NH DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 53/2019/QĐST-HNGĐ	*V, ngày 18 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NH DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 185/2019/TLST-VHN ngày 01 tháng 3 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Phan Văn H, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Đường A, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Bà Phạm Nữ Huyền T, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Đường A, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Văn H, sinh năm 1983 và bà Phạm Nữ Huyền T, sinh năm 1988 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng, Quyển số 01/2013 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Qua bản ý kiến và trình bày của các đương sự tại buổi hòa giải đoàn tụ ngày 08/3/2019, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đến nay đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, ghi nhận việc ông H và bà T thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Phan Văn H và bà Phạm Nữ Huyền T có 01 con chung tên Phan Phạm Kỳ D, sinh ngày 02/4/2013. Ông H và bà T thỏa thuận giao cháu Phan Phạm Kỳ D cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi), ông H cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/tháng đến khi cháu D đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Xét thấy sự thỏa thuận này là tự nguyện, bảo đảm quyền lợi chính đáng của người yêu cầu , không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về lệ phí việc hôn nhân: Ông H và bà T, mỗi người tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Văn H và bà Phạm Nữ Huyền T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là Phan Phạm Kỳ D sinh ngày 02/4/2013 cho bà Phạm Nữ Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi), ông Phan Văn H cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả thêm cho bên được thi hành án số tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ông H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi mọi mặt của con, một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Phan Văn H và bà Phạm Nữ Huyền T, mỗi người phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí giải quyết việc hôn nH nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí ông H và bà T đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007548 và 0007549 cùng ngày 27 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Ông H và bà T đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND t. Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND tp. V;
- Chi cục THADS tp. V;
- UBND x. T, h. D, tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Lê Thị Thanh